

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DH
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2025

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DH, TỈNH BL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tâm

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Dừa, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Tr, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp VD, xã LDT, huyện DH, tỉnh BL. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn Ngh, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp VD, xã LDT, huyện DH, tỉnh BL. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2025; Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị Tr, trình bày: Vào năm 1989, bà Tr và ông Ngh tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Đến năm 2004, vợ chồng bà tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LDT, huyện DH, tỉnh BL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 02 tháng 01 năm 2004. Trong quá trình chung sống, bà Tr và ông Ngh sinh được 04 (bốn) người con chung là Lê Văn T, sinh ngày 01/01/1989; Lê Minh Đ, sinh năm 1990; Lê Quốc Nh, sinh ngày 13/3/1996; Lê Huyền Trg, sinh ngày 04/4/2000. Nay các con chung của bà và ông Ngh đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, trong thời gian chung sống, bà Tr và ông Ngh không tạo lập được

tài sản chung cũng như không phát sinh nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xuất phát từ mâu thuẫn sau thời gian dài chung sống với nhau, bà Tr và ông Ngh xảy ra bất đồng từ việc ông Ngh thường xuyên uống rượu, sau mỗi lần uống rượu thường có hành vi chửi mắng, xúc phạm và đôi khi sử dụng bạo lực đối với bà Tr. Qua nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Ngh không sửa đổi, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà Tr và ông Ngh đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Ngh. Ngoài ra, bà Tr không có yêu cầu gì khác.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Lê Văn Ngh: Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông Ngh đến Tòa án, nhưng ông Ngh không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tr cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông Ngh. Do đó, Tòa án nhân dân huyện DH, tỉnh BL căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà Tr cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và Ngh vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và Ngh vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông Ngh, xử cho bà Tr được ly hôn với ông Ngh. Về con chung, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Tr phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông Ngh và hiện nay ông Ngh cư trú tại ấp VD, xã LDT, huyện DH, tỉnh BL nên Tòa án nhân dân huyện DH thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện DH đã triệu tập ông Ngh tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng cả hai lần ông Ngh đều vắng mặt không có lý do và bà Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr và ông Ngh.

[3] Về hôn nhân: Bà Tr và ông Ngh tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989. Đến năm 2004, bà Tr và ông Ngh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LDT, huyện DH, tỉnh BL và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05, ngày 02 tháng 01 năm 2004 nên hôn nhân giữa bà Tr và ông Ngh là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà Tr xác định sau thời gian sống chung khoảng 10 năm thì bà và ông Ngh bắt đầu nảy sinh bất đồng do ông Ngh thường xuyên uống rượu và có hành vi đánh đập, chửi mắng bà Tr vô cớ. Sau nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Ngh không sửa đổi, từ đó tình cảm vợ chồng dần không còn nữa. Bà Tr và ông Ngh đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Trong suốt nhiều năm sống ly thân, bà Tr và ông Ngh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm của vợ chồng.

Qua nội dung biên bản xác minh địa phương vào ngày 07/5/2025, xác định được thực tế tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông Ngh có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bà Tr và ông Ngh cũng đã sống ly thân được khoảng 20 năm nay. Điều này phù hợp với lời khai của bà Tr. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển nhưng từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông Ngh đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Ngh là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr đối với ông Ngh, xử cho bà Tr được ly hôn với ông Ngh.

[5] Về con chung: Bà Tr và ông Ngh sinh được 04 (bốn) người con chung là Lê Văn Tuấn, sinh ngày 01/01/1989; Lê Minh Dương, sinh năm 1990; Lê Quốc Nhân, sinh ngày 13/3/1996; Lê Huyền Trang, sinh ngày 04/4/2000. Bà Tr xác định, hiện nay các con chung đã trưởng thành, không bị khiếm khuyết về tinh thần và thể chất, có thể tự lao động để kiếm sống nên bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr xác định bà và ông Ngh chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ngh cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, con chung với bà Tr nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà Tr phải nộp 300.000 đồng. Bà Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0006654 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DH, tỉnh BL tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Tr đối với Lê Văn Ngh. Xử cho bà Ngô Thị Tr được ly hôn với ông Lê Văn Ngh.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Ngô Thị Tr phải nộp 300.000 đồng, bà Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 00006654 ngày 27 tháng 3 năm 2025, được chuyển thu án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện DH, tỉnh BL.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- UBND xã LDT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Huỳnh Ngọc Nhiều